

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN BANG NGA VỀ THỦ TỤC NHẬN TỘI - KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC TÂM* - LÊ KHÁNH KIỀU MY**

Tóm tắt: Mô hình tố tụng hình sự (TTHS) của Liên bang Nga cho thấy thủ tục thương lượng nhận tội (TLNT) đã mang lại những hiệu quả nhất định trong việc giảm tải công việc cho hệ thống tư pháp của quốc gia này, tuy nhiên, cũng bộc lộ không ít lo ngại, đặc biệt là về tính minh bạch và nguy cơ ép buộc bị can, bị cáo. Bài viết phân tích quy định và thực tiễn áp dụng thủ tục TLNT tại Liên bang Nga, từ đó rút ra một số khuyến nghị cho tiến trình cải cách tư pháp hình sự tại Việt Nam, bao gồm giới hạn phạm vi áp dụng, thiết lập cơ chế giám sát tư pháp nghiêm ngặt và bảo đảm đầy đủ quyền lợi của bị hại. Trong đó, việc đề cao vai trò trung tâm của Thẩm phán trong quá trình phê chuẩn thỏa thuận sẽ là yếu tố then chốt để thể chế hóa thành công thủ tục này tại Việt Nam.

Từ khóa: Thương lượng nhận tội; Liên bang Nga; tố tụng hình sự; cải cách tư pháp

Ngày nhận bài: 05/01/2025; Biên tập xong: 28/7/2025; Duyệt đăng: 13/8/2025

LEGAL REGULATIONS OF THE RUSSIAN FEDERATION ON PLEA BARGAINING PROCEDURES - EXPERIENCES FOR VIETNAM

Abstract: The criminal procedure model of the Russian Federation has demonstrated that plea bargaining has brought certain benefits in easing the workload of the judicial system; however, it also exposes significant concerns, particularly regarding transparency and the risk of coercion. This paper examines the legal framework and practical implementation of plea bargaining in the Russia, drawing insights to inform Vietnam's ongoing criminal justice reform, including narrowly defining its scope, establishing robust judicial oversight, and safeguarding the rights of victims. Notably, the critical role of judges in approving plea agreements will be essential to ensuring the legitimacy of this procedure within Vietnam's legal context.

Keywords: Plea bargaining; the Russian Federation; criminal procedure; judicial reform

Received: Jan 05, 2025; **Editing completed:** Jul 28, 2025; **Accepted for publication:** Aug 13, 2025

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức trong lĩnh vực TTHS. Đặc biệt, sự gia tăng về tính chất phức tạp của các loại tội phạm mới, như tội phạm công nghệ cao, tội phạm kinh tế và tội phạm liên quan đến ma túy, không chỉ gây quá tải cho cơ quan tố tụng mà còn làm giảm hiệu quả trong việc giải quyết vụ án và đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. Đồng thời, pháp luật Việt Nam hiện vẫn chưa công nhận thủ tục "TLNT", khiến quá trình giải quyết vụ án trở nên kéo dài, gây lãng phí thời gian, nguồn lực và dẫn đến chậm trễ trong việc thực thi công lý. Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ/TW) đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là cải cách hệ thống tư pháp để phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Trong đó, việc nghiên cứu và áp dụng các mô hình tố tụng hiện đại, bao gồm thủ tục TLNT, là một

yêu cầu thiết yếu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp, bảo đảm quyền con người và thúc đẩy công lý. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm ứng dụng thủ tục TLNT tại Liên bang Nga, nơi mô hình này đã được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) từ năm 2001 và được thực tiễn hóa một cách rộng rãi. Thủ tục này không chỉ giúp làm giảm áp lực cho các Tòa án mà còn tăng tính linh hoạt trong việc giải quyết các vụ án hình sự, qua đó góp phần quan trọng trong việc đề xuất kiến nghị giúp Việt Nam tăng cường hiệu quả tư pháp trong bối cảnh cải cách và hội nhập quốc tế.

1. Khái quát chung về thủ tục thương lượng nhận tội

TLNT, hay còn được gọi là *thỏa thuận nhận tội* hoặc *mặc cả thú tội*, là một thuật ngữ pháp lý được dịch từ cụm từ tiếng anh *Plea-bargaining*. Đây là một cơ chế TTHS, trong đó người bị

*Email: Tamnd@tks.edu.vn

Thạc sĩ, Giảng viên khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát

**Email: Khanhmitks@gmail.com

Sinh viên lớp TMK3A, Trường Đại học Kiểm sát

buộc tội đồng ý nhận tội để đổi lấy sự khoan hồng từ phía cơ quan công tố, chẳng hạn như giảm nhẹ tội danh, giảm mức hình phạt đề nghị hoặc loại bỏ một số cáo buộc khác. Thủ tục này ngày càng trở thành một hiện tượng phổ biến trên toàn cầu, nhưng hình thức, bản chất và mức độ áp dụng của nó có sự khác biệt giữa hai hệ thống pháp luật lớn là Common Law và Civil Law. Tại các quốc gia theo hệ thống Common Law như Hoa Kỳ, Anh và Úc, TLNT không chỉ phổ biến mà còn được xem là một cơ chế nền tảng, giải quyết phần lớn các vụ án hình sự. Ở Hoa Kỳ, ước tính từ 90-95% các vụ án hình sự được giải quyết thông qua TLNT thay vì các phiên tòa có bồi thẩm đoàn. Về bản chất, trong mô hình tố tụng tranh tụng, TLNT được xem như một thỏa thuận hay một hợp đồng giữa hai bên bình đẳng là bên công tố và bên bị cáo (thường thông qua luật sư bào chữa). Công tố viên, với quyền tùy nghi truy tố rộng rãi, sẽ đưa ra những nhượng bộ để đổi lấy việc bị cáo từ bỏ quyền được xét xử công khai tại Tòa. Vai trò của Thẩm phán trong quá trình này thường khá thụ động, chủ yếu là xem xét và phê chuẩn thỏa thuận đã được các bên đàm phán, đảm bảo rằng việc nhận tội của bị cáo là tự nguyện và có cơ sở thực tế.

Các quốc gia theo hệ thống Civil Law có truyền thống tố tụng thẩm vấn, với nguyên tắc cốt lõi là truy cứu sự thật khách quan của vụ án và nguyên tắc truy tố theo pháp luật. Do đó, về mặt lý thuyết, hệ thống này không chấp nhận sự mặc cả về tội danh và hình phạt vốn đi ngược lại vai trò trung tâm của Thẩm phán trong việc điều tra và tìm ra sự thật. Tuy nhiên, trước áp lực về hiệu quả và quá tải hệ thống tư pháp, nhiều nước Civil Law đã phát triển các thủ tục tố tụng rút gọn có yếu tố thỏa thuận, nhưng với bản chất và cơ chế hoạt động khác biệt so với Common Law. Tại Pháp, thủ tục Comparation sur reconnaissance préalable de culpabilité (CRPC), hay còn gọi là *plaider-coupable* (nhận tội - thỏa thuận), được áp dụng cho các tội phạm có mức độ nghiêm trọng thấp và trung bình. Theo đó, công tố viên đề xuất một mức án cụ thể cho người đã thừa nhận hành vi phạm tội. Điểm khác biệt mấu chốt là thỏa thuận này phải được một Thẩm phán độc lập phê chuẩn trong một phiên điều trần công khai. Tại Đức, thủ tục Strafbefehl (lệnh phạt) là một quy trình bằng văn bản áp dụng cho các tội phạm nhỏ. Công tố viên, nếu thấy không

cần thiết phải mở phiên tòa, sẽ đề nghị Tòa án ban hành một lệnh phạt cụ thể. Bị cáo có quyền chấp nhận hoặc phản đối trong vòng hai tuần. Nếu phản đối, một phiên tòa thông thường sẽ được mở. Strafbefehl không hẳn là một cuộc thương lượng song phương mà giống một đề xuất đơn phương từ công tố viên nhằm giải quyết vụ án một cách hiệu quả, sau khi được Thẩm phán xem xét sơ bộ. Tóm lại, trong khi TLNT ở các nước Common Law là một cuộc đàm phán thực sự do các bên dẫn dắt, thì các thủ tục tương tự ở các nước Civil Law được cấu trúc như những quy trình tố tụng đặc biệt, có sự kiểm soát chặt chẽ và vai trò phê chuẩn mang tính quyết định của Thẩm phán. Sự khác biệt này phản ánh sự đối lập cơ bản trong triết lý TTTHS của hai hệ thống pháp luật.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra một khái niệm chung và bao quát về TLNT như sau: *TLNT là một cơ chế TTTHS đặc biệt, cho phép giải quyết vụ án mà không cần thông qua một phiên tòa xét xử đầy đủ theo trình tự thông thường. Về bản chất, đây là một quy trình pháp lý được xây dựng dựa trên sự đồng thuận hoặc chấp nhận của người bị buộc tội đối với các cáo buộc hình sự. Để đổi lấy việc từ bỏ quyền được xét xử công khai và việc thừa nhận tội lỗi, người bị buộc tội sẽ nhận được những khoan hồng nhất định từ phía cơ quan truy tố, như truy tố về tội danh ít nghiêm trọng hơn, đề nghị một mức hình phạt giảm nhẹ, hoặc miễn một số cáo buộc khác.*

Dù được triển khai dưới hình thức một cuộc đàm phán tự do giữa các bên (như ở hệ thống Common Law) hay một thủ tục rút gọn có kiểm soát chặt chẽ (như ở hệ thống Civil Law), cơ chế này luôn có sự tham gia của các bên cốt lõi là người bị buộc tội (cùng luật sư bào chữa), cơ quan công tố, và luôn được đặt dưới sự giám sát và/hoặc phê chuẩn của Tòa án nhằm đảm bảo tính hợp pháp, sự tự nguyện và công bằng cho các bên liên quan.

Có thể thấy, tính phổ biến ngày càng rõ rệt của cơ chế TLNT trên toàn cầu bắt nguồn từ những lợi ích thiết thực mà nó mang lại. Lợi ích lớn nhất và rõ ràng nhất là tính hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Thủ tục này giúp giải quyết một lượng lớn vụ án hình sự một cách nhanh chóng, qua đó giảm tải đáng kể áp lực cho các cơ quan tiến hành tố tụng, từ điều tra, truy tố đến xét xử. Việc tránh được các phiên tòa kéo dài và phức tạp cũng đồng nghĩa với việc tiết kiệm chi phí đáng kể cho ngân sách Nhà nước về nhân lực và vật lực. Đối với

các bên liên quan, cơ chế này tạo ra một tình huống “đôi bên cùng có lợi”: Bên công tố đảm bảo một kết quả kết án chắc chắn, loại bỏ rủi ro bị cáo được tuyên trắng án tại phiên tòa. Trong khi đó, người bị buộc tội có cơ hội nhận được một bản án nhẹ hơn, dự đoán trước được kết quả và tránh được sự căng thẳng, tốn kém của một phiên tòa công khai.

Tuy nhiên, cơ chế này cũng tồn tại nhiều hạn chế và nguy cơ nghiêm trọng. Thứ nhất, nguy cơ kết án oan người vô tội. Dưới áp lực của một bản án nghiêm khắc, nếu thua kiện tại Tòa, người vô tội có thể bị buộc phải chấp nhận thỏa thuận nhận một tội danh ít nghiêm trọng hơn để giảm thiểu rủi ro, dù họ không thực hiện hành vi phạm tội. Thứ hai, TLNT có khả năng làm suy yếu các nguyên tắc nền tảng của tư pháp hình sự, đặc biệt là quyền được xét xử công bằng và nguyên tắc suy đoán vô tội, bởi nó cho phép bỏ qua giai đoạn kiểm chứng công khai, toàn diện các bằng chứng tại một phiên tòa độc lập. Thứ ba, quyền lực lớn được trao cho công tố viên trong quá trình đàm phán có thể dẫn đến sự lạm quyền. Công tố viên có thể sử dụng các chiến thuật gây áp lực hoặc đưa ra những cáo buộc ban đầu nghiêm trọng hơn thực tế để ép buộc bị cáo phải chấp nhận thỏa thuận, làm sai lệch bản chất của công lý.

2. Quy định và thực tiễn áp dụng của thủ tục thương lượng nhận tội tại Liên bang Nga

2.1. Quy định của Liên bang Nga về thủ tục thương lượng nhận tội

TLNT được xem như một thủ tục đặc biệt theo pháp luật Liên bang Nga, khi bị cáo đồng ý với nội dung buộc tội để đổi lấy điều kiện có lợi hơn. Thủ tục này lần đầu tiên được quy định tại Chương 40, Phần X BLTTHS Liên bang Nga năm 2001 và chỉ được áp dụng đối với các tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, đồng thời yêu cầu sự đồng thuận của công tố viên hoặc tư tố viên cũng như của người bị hại. Không mang tên gọi TLNT, thủ tục này tại Nga được gọi là Thủ tục đặc biệt trong trường hợp bị cáo đồng ý với nội dung buộc tội. Tuy khác biệt về tên gọi nhưng nó vẫn mang đầy đủ nội dung và đặc điểm tương đương với thủ tục TLNT trên thế giới.

2.1.1. Phạm vi áp dụng

a. Loại tội áp dụng

Theo khoản 1 Điều 314 BLTTHS Liên bang Nga, thủ tục này áp dụng với các tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng. Cụ thể: “Trong vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng

hoặc tội phạm nghiêm trọng, bị cáo có quyền đồng ý với nội dung buộc tội đối với họ và đề nghị ra bản án mà không cần tiến hành xét xử theo thủ tục chung”. Ban đầu, phạm vi áp dụng của thủ tục này được giới hạn đối với “những tội phạm mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tối đa đối với các loại tội phạm đó không quá 05 năm tù”. Tuy nhiên, Luật Liên bang N92-ФЗ ngày 04/7/2003 đã mở rộng phạm vi áp dụng: “những tội phạm mà Bộ luật Hình sự Liên bang Nga quy định hình phạt đối với các tội phạm đó không quá 10 năm tù”. Lần sửa đổi gần đây nhất theo Luật Liên bang N224-ФЗ ngày 20/7/2020 đã thu hẹp phạm vi, chỉ áp dụng đối với loại tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng.

b. Đối tượng áp dụng

BLTTHS Liên bang Nga không giới hạn cụ thể đối tượng áp dụng nhưng Nghị quyết số 60 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang Nga ngày 05/12/2006 (Nghị quyết số 60) quy định không áp dụng thủ tục này đối với bị cáo là người chưa thành niên và người bị rối loạn tâm thần bị hạn chế khả năng nhận thức. Việc không áp dụng thủ tục đặc biệt cho hai đối tượng này bắt nguồn từ yêu cầu phải nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội và hậu quả pháp lý khi đồng ý với nội dung buộc tội. Tuy nhiên, người chưa thành niên và người bị rối loạn tâm thần thường không thể nhận thức và đánh giá các sự vật, hiện tượng một cách đầy đủ. Họ có thể không hiểu rõ nội dung buộc tội, từ đó không nhận thức được hết tính chất và hậu quả của việc đồng ý với nội dung buộc tội, vì vậy không đáp ứng điều kiện áp dụng thủ tục đặc biệt này.

c. Thời điểm áp dụng

Thủ tục này áp dụng tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, được quy định tại Chương 40, Mục X BLTTHS Liên bang Nga. Đây là một thủ tục đặc biệt của Tòa án cấp sơ thẩm trong trường hợp ra phán quyết mà không tuân theo trình tự chung. Trên cơ sở sự đồng ý của bị cáo đối với nội dung buộc tội, cùng với sự không phản đối của công tố viên (hoặc tư tố viên) và/hoặc người bị hại, Tòa án có thể tuyên mức hình phạt không quá hai phần ba mức phạt tối đa, hoặc không áp dụng loại hình phạt nặng hơn hình phạt được quy định đối với tội danh đó.

2.1.2. Căn cứ áp dụng

Theo Điều 314 BLTTHS Liên bang Nga và Nghị quyết số 60, việc áp dụng thủ tục TLNT cần đáp ứng các điều kiện:

Thứ nhất, bị cáo phải đồng ý với nội dung buộc tội và tự nguyện đề nghị Tòa án ra bản

án mà không cần xét xử theo trình tự chung. Sự đồng ý này không được hình thành do ép buộc và phải bao gồm việc chấp nhận toàn bộ nội dung cáo trạng, từ hình phạt đến bồi thường. Ngoài ra, Thẩm phán chịu trách nhiệm xác minh tính tự nguyện thông qua việc hỏi trực tiếp bị cáo tại phiên tòa với sự tham gia của người bào chữa.

Thứ hai, không có sự phản đối từ công tố viên (hoặc tư tố viên) và/hoặc bị hại. Công tố viên hoặc tư tố viên có quyền phản đối đề nghị của bị cáo, khi đó vụ án chuyển sang xét xử bằng thủ tục thông thường. Bên cạnh đó, bị hại phải được thông báo rõ ràng và có quyền phản đối việc áp dụng thủ tục này trước phiên tòa; nếu bị hại phản đối, thủ tục TLNT sẽ không được áp dụng.

Thứ ba, bị cáo nhận thức đầy đủ tính chất và hậu quả pháp lý khi áp dụng thủ tục này, cụ thể: Không có quyền kháng cáo về sự khác biệt giữa kết luận Tòa án với thực tế vụ án; hình phạt tối đa không vượt quá hai phần ba mức phạt hoặc không bị áp dụng hình phạt nặng hơn; và không phải chịu chi phí tố tụng.

Thứ tư, bị cáo được tư vấn đầy đủ bởi người bào chữa về bản chất, hậu quả của thủ tục và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, bảo đảm lựa chọn của bị cáo là độc lập và tự nguyện. Nếu thiếu tư vấn đầy đủ từ người bào chữa, vụ án phải được xét xử theo thủ tục chung.

2.1.3. Thủ tục áp dụng

Thủ tục TLNT được quy định tại Điều 315 và Điều 316 BLTTHS Liên bang Nga. Quá trình áp dụng thủ tục này được chia thành 03 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Bị cáo đưa ra yêu cầu. Bị cáo (với sự tư vấn và có mặt của người bào chữa) chấp nhận cáo buộc bằng văn bản và yêu cầu Tòa án xét xử không qua thủ tục chung. Yêu cầu này được đưa ra trong giai đoạn nghiên cứu hồ sơ vụ án hoặc tại phiên kiểm tra sơ bộ¹.

Giai đoạn 2: Phiên tòa đặc biệt được tổ chức với sự có mặt bắt buộc của bị cáo và người bào chữa. Công tố viên (hoặc tư tố viên) trình bày lời buộc tội; Thẩm phán hỏi bị cáo để xác minh sự tự nguyện, hiểu biết về thủ tục và nội dung buộc tội², đồng thời làm rõ các tình tiết về nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự. Nếu có bất kỳ sự phản đối từ bị cáo, công tố viên (tư tố viên), bị hại hoặc nếu Thẩm phán tự quyết định không áp dụng, vụ án chuyển sang xét xử theo thủ tục chung. Nếu Thẩm phán đồng thuận và cho rằng lời buộc tội là có căn cứ, thủ tục đặc biệt này được áp dụng và bản án được tuyên.

Giai đoạn 3: Tòa án ra bản án. Tòa án tuyên bản án kết tội với mức hình phạt không vượt quá hai phần ba mức tối đa của hình phạt hoặc không áp dụng hình phạt nặng hơn loại đã được quy định. Bản án này không thể bị kháng cáo theo thủ tục chống án và phúc thẩm; bị cáo cũng không phải chịu bất cứ chi phí tố tụng nào.

2.2. Thực tiễn áp dụng thủ tục thương lượng nhận tội tại Liên bang Nga

Trong những năm gần đây, thủ tục TLNT tại Liên bang Nga tiếp tục ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong phạm vi áp dụng và hiệu quả thực tiễn. Theo số liệu thống kê từ năm 2010 đến năm 2017, thủ tục này đã được sử dụng để giải quyết khoảng 65% tổng số vụ án hình sự. Đến năm 2017, đã có 276.064 bản án có tội đã được đưa ra theo thủ tục TLNT đối với các bị cáo. Con số này lên đến 354.864 bản án vào năm 2019 - chiếm 52% tổng số người bị kết án. Việc áp dụng thủ tục này tăng trung bình 3% mỗi năm, phản ánh sự chấp nhận ngày càng lớn của các cơ quan tư pháp đối với quy trình này.

	Tổng số vụ án hình sự	Số vụ án áp dụng thủ tục TLNT
2012	941.954 vụ	575.294 vụ (chiếm 61%)
2013	930.855 vụ	598.212 vụ (chiếm 64%)
2014	924.893 vụ	595.350 vụ (chiếm 64%)
2017	908.746 vụ	594.320 vụ (chiếm 65,4%)
2020	794.042 vụ	373.200 vụ (chiếm 47%)

Bảng 1. Số lượng vụ án được áp dụng thủ tục TLNT tại Nga vào các năm 2010, 2014, 2017 và 2020

Luật sư Vadim Klyuvgant (công ty Luật Pen & Paper) nhận định thủ tục TLNT đang trở thành phương pháp chính để giải quyết tội phạm, hỗ trợ vạch trần các bị cáo khác không thừa nhận hành vi phạm tội. Thủ tục này giúp giảm tải cho hệ thống tư pháp, tiết kiệm nguồn lực, đồng thời cho phép bị cáo lựa chọn không tranh chấp tội danh để nhận được sự nhượng bộ về hình phạt. Điển hình là vụ án năm 2017 tại Tyumen (Nga) liên quan

¹ Nếu vụ án đó thuộc trường hợp bắt buộc kiểm tra sơ bộ theo quy định tại Điều 229 BLTTHS Liên bang Nga. Công tác kiểm tra sơ bộ được thực hiện vào giai đoạn chuẩn bị xét xử và được thực hiện bởi Tòa án.

² Trường hợp có người bị hại tham gia thì Thẩm phán giải thích mối liên quan giữa họ và đề nghị của bị cáo.

đến nhóm sĩ quan FSB (Cơ quan an ninh Liên bang Nga) phạm tội giết người (07 vụ), cướp tài sản và đe dọa doanh nhân địa phương trong suốt 08 năm. Trung úy Alexey Korotkov đã thương lượng, cung cấp thông tin chi tiết về các vụ án và đồng phạm, nhờ đó tránh được án tù chung thân và nhận 24 năm tù. Hai đồng phạm khác nhận án 12 và 25 năm tù, trong khi thủ lĩnh nhóm, đội trưởng Vladimir Gilev, đã tự sát trước phiên xử tại một trung tâm giam giữ. Một số bị cáo khác bị truy nã quốc tế. Nếu trước đây, tại Nga có đến hai phần ba số tù nhân bị kết án theo thủ tục TLNT, thì đến năm 2020, con số này chỉ còn dưới một nửa (47%). Điều này làm dấy lên lo ngại về sự lạm dụng, tính minh bạch và nguy cơ bị cáo bị ép buộc nhận tội. Để khắc phục, Nga đã giới hạn áp dụng thủ tục này chỉ cho các vụ án ít nghiêm trọng, nhưng vẫn còn tồn tại những rủi ro, hạn chế đối với bị cáo. Cụ thể:

Một là, lời thú tội của bị cáo có thể chống lại họ nếu thỏa thuận thất bại, dẫn đến các tình tiết giảm nhẹ bị vô hiệu, khiến hình phạt nghiêm khắc hơn. Thậm chí, công tố viên có thể viện cớ bị cáo không thực hiện đầy đủ cam kết để làm trầm trọng thêm tình hình.

Hai là, trên thực tế không có sự bảo đảm chắc chắn từ cơ quan điều tra, công tố rằng họ sẽ thực hiện đầy đủ thỏa thuận. Ví dụ như vụ Demyan Moskvin - bị cáo trong một vụ án về tội ác của cựu lãnh đạo Komi, đã công bố bản ghi âm cuộc trò chuyện với một điều tra viên. Theo đó, nhân viên này đã hứa mức án treo để đổi lấy việc khai nhận tội, kèm với lời đe dọa sẽ mở một vụ án khác chống lại Moskvin và chuyển bị cáo đến một trung tâm giam giữ trước khi xét xử thay vì quản thúc tại gia. Bị cáo đã đồng ý, nhưng một tháng sau, anh ta lại đối mặt với mức án sáu năm tù giam do các cáo buộc tại phiên tòa ngày càng cứng rắn. Sau phán quyết như vậy, bị cáo đã từ chối thỏa thuận trong thủ tục TLNT và Tòa án thành phố Mát-xcơ-va đã hủy bản án của bị cáo để xét xử lại. Tuy nhiên, Moskvin đã bỏ trốn và hiện đang bị truy nã.

Ba là, thủ tục đặc biệt này không phải lúc nào cũng có lợi cho bị cáo. Có nhiều trường hợp, một bị cáo tham gia TLNT bị kết án, nhưng các đồng phạm do họ khai báo không thừa nhận tội và được tuyên trắng án.

Tóm lại, dù mang lại lợi ích trong giảm tải áp lực tư pháp, thủ tục TLNT tại Nga vẫn bộc lộ nhiều hạn chế về tính minh bạch và bảo đảm quyền lợi bị cáo. Theo ông Nver

Gasparyan, cố vấn Phòng Luật sư Liên bang Nga, việc giảm các vụ án áp dụng thủ tục này là một bước tiến giúp hệ thống tư pháp minh bạch, hiệu quả hơn, tránh việc một số cán bộ lợi dụng quy trình rút gọn để che giấu sai phạm, biến Tòa án thành nơi thụ động ghi nhận lời thú tội. Đây là những kinh nghiệm quý báu để Việt Nam tham khảo khi tiến hành cải cách tư pháp hình sự.

3. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam

Trên cơ sở phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm của Liên bang Nga, việc nghiên cứu, tiếp thu và thể chế hóa cơ chế TLNT là một định hướng cải cách tư pháp quan trọng, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW của Đảng. Tuy nhiên, quá trình này đòi hỏi một cách tiếp cận thận trọng, có chọn lọc và phù hợp với đặc thù hệ thống pháp luật TTHS của Việt Nam. Là một quốc gia có truyền thống pháp luật Civil Law tương tự, cách Nga thiết kế một thủ tục có yếu tố thỏa thuận nhưng vẫn duy trì sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước mang lại nhiều bài học quý báu. Việt Nam nên tiếp thu kinh nghiệm này theo định hướng sau:

Thứ nhất, về phạm vi áp dụng có giới hạn và an toàn. Nga quy định thủ tục này chỉ áp dụng đối với các tội phạm có mức hình phạt tù không quá 10 năm. Đây là một cách tiếp cận thận trọng, giúp hạn chế rủi ro trong giai đoạn đầu áp dụng. Việt Nam nên học hỏi kinh nghiệm này, thậm chí có thể bắt đầu với phạm vi hẹp hơn, cụ thể là chỉ áp dụng thí điểm đối với tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng theo phân loại của Bộ luật Hình sự. Cách tiếp cận này đảm bảo an toàn pháp lý, cho phép các cơ quan tố tụng làm quen, rút kinh nghiệm trước khi xem xét mở rộng.

Thứ hai, về vai trò trung tâm của bị cáo và sự bảo vệ của luật sư. Thủ tục của Nga chỉ được khởi xướng dựa trên sự đề nghị hoàn toàn tự nguyện của bị cáo sau khi đã tham vấn đầy đủ với luật sư bào chữa. Đây là nguyên tắc cốt lõi cần được tuyệt đối tuân thủ nhằm đảm bảo quyền tự định đoạt của bị cáo và tăng cường vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ, ngăn ngừa nguy cơ bị cáo đưa ra quyết định một cách vội vàng, thiếu hiểu biết.

Thứ ba, về cơ chế giám sát chặt chẽ của Tòa án - sự tương thích với truyền thống Civil Law. Khác với mô hình của Common Law, nơi Thẩm phán có thể chỉ đóng vai trò phê chuẩn

một thỏa thuận, Thẩm phán Nga có trách nhiệm xem xét và kiểm tra tính tự nguyện, tính hợp pháp của việc nhận tội và các điều kiện áp dụng thủ tục. Thẩm phán có quyền bác bỏ đề nghị nếu phát hiện có dấu hiệu ép buộc hoặc nếu xét thấy cần bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người bị hại. Mô hình giám sát chủ động này hoàn toàn tương thích với hệ thống tố tụng thẩm vấn của Việt Nam, nơi Tòa án giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm sự thật khách quan và tính đúng đắn của pháp luật.

Thứ tư, về hậu quả pháp lý rõ ràng và có tính dự đoán. Quy định của Nga về việc mức hình phạt được tuyên không vượt quá hai phần ba mức cao nhất của khung hình phạt tạo ra một lợi ích pháp lý cụ thể, rõ ràng. Đây vừa là động lực khuyến khích bị cáo hợp tác, vừa giúp họ dự đoán được giới hạn hình phạt phải nhận, giảm bớt sự bất định của quá trình tố tụng.

Cùng với đó là yêu cầu tránh các hạn chế và rủi ro từ những bài học kinh nghiệm của Nga. *Một là* nguy cơ suy giảm chất lượng điều tra, truy tố. Khi có cơ chế TLNT, các cơ quan điều tra có thể có xu hướng dựa chủ yếu vào lời nhận tội mà lơ là nhiệm vụ thu thập, củng cố chứng cứ vật chất khác. Điều này tiềm ẩn nguy cơ bỏ lọt các tình tiết quan trọng của vụ án hoặc thậm chí dẫn đến oan, sai. *Hai là* nguy cơ ép buộc, mớm cung. Áp lực phá án và mong muốn đẩy nhanh tiến độ có thể dẫn đến việc Điều tra viên, Kiểm sát viên gây áp lực, ép buộc hoặc mớm cung để bị can đồng ý áp dụng thủ tục này. Đây là rủi ro nghiêm trọng nhất, xâm phạm trực tiếp đến quyền con người. Để phòng tránh các rủi ro trên, Việt Nam cần xây dựng các cơ chế phòng ngừa chặt chẽ, chẳng hạn như: Quy định bắt buộc ghi âm, ghi hình có âm thanh trong các buổi làm việc liên quan đến việc đề nghị áp dụng thủ tục đặc biệt; Quy định rõ lời nhận tội không phải là chứng cứ duy nhất để kết tội. Theo đó, Tòa án sẽ chỉ chấp nhận thủ tục này khi hồ sơ vụ án có đủ các chứng cứ khác chứng minh hành vi phạm tội.

Để thể chế hóa các định hướng trên, nhóm tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2015 theo hướng sau: Kiến nghị bổ sung **Chương XXXI-A: Thủ tục tố tụng đặc biệt khi bị can, bị cáo nhận tội và đồng ý với cáo trạng** sau Chương XXXI: Thủ tục rút gọn.

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Thủ tục tố tụng đặc biệt quy định

tại Chương này được áp dụng đối với các tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng.

2. Không áp dụng thủ tục này đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh, các tội phạm được thực hiện bởi người dưới 18 tuổi, cũng như không áp dụng trong trường hợp vụ án có nhiều bị cáo nhưng không phải tất cả đều đồng ý áp dụng thủ tục này.

Điều 2. Điều kiện áp dụng

Thủ tục tố tụng đặc biệt chỉ được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị can, bị cáo đề nghị áp dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện;

b) Có sự đồng ý bằng văn bản hoặc tương đương của người bào chữa cho bị can, bị cáo sau khi đã tư vấn đầy đủ về hậu quả pháp lý;

c) Bị can, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát;

d) Viện kiểm sát và bị hại (hoặc người đại diện của bị hại) không phản đối việc áp dụng thủ tục này;

đ) Hồ sơ vụ án có đủ chứng cứ để chứng minh bị can, bị cáo phạm tội, độc lập với lời thừa nhận của họ.

Điều 3. Trình tự, thủ tục áp dụng

1. Sau khi nhận được cáo trạng, bị cáo có quyền gửi văn bản đề nghị Tòa án áp dụng thủ tục tố tụng đặc biệt. Đề nghị phải có chữ ký của bị cáo và người bào chữa.

2. Tòa án phải thông báo đề nghị này cho Viện kiểm sát và người bị hại.

3. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải xem xét các điều kiện tại Điều 2 của Chương này. Nếu đủ điều kiện, Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng đặc biệt. Nếu không đủ điều kiện, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục thông thường.

Điều 4. Phiên tòa xét xử theo thủ tục đặc biệt

1. Phiên tòa phải có sự tham gia của bị cáo, người bào chữa và Kiểm sát viên.

2. Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày cáo trạng, Hội đồng xét xử không tiến hành xét hỏi, tranh luận về các tình tiết chứng minh tội danh mà chỉ kiểm tra lại tính tự nguyện và khả năng nhận thức hậu quả pháp lý của bị cáo.

3. Phiên tòa tập trung vào việc xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự, nhân thân của bị cáo và các vấn đề liên quan đến bồi thường thiệt hại để quyết định hình phạt.

Điều 5. Quyết định của Tòa án và hậu quả pháp lý

1. Khi xét xử theo thủ tục đặc biệt, mức hình phạt mà Tòa án tuyên đối với bị cáo không được vượt quá 2/3 (hai phần ba) mức cao nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố.

2. Bản án được ban hành theo thủ tục này không được kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm về phần tội danh đã được thừa nhận.

3. Trường hợp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có dấu hiệu ép buộc hoặc các điều kiện áp dụng không còn, Tòa án sẽ ra quyết định xét xử vụ án theo thủ tục thông thường. Lời thừa nhận tội trước đó của bị cáo không được xem là một chứng cứ buộc tội trong phiên tòa xét xử theo thủ tục thông thường.

Nhìn chung, việc tiếp thu những kinh nghiệm này phải dựa trên sự đánh giá kỹ lưỡng về tính phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và chính trị đặc thù của Việt Nam để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong thực tiễn. Theo đó, Việt Nam có thể triển khai thí điểm thủ tục TLNT tại một số địa phương hoặc đối với một số loại tội phạm nhất định. Điều này giúp đánh giá hiệu quả thực tế, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện khung pháp lý trước khi áp dụng rộng rãi. Ngoài ra, việc xây dựng những quy định về thủ tục TLNT cần được thiết kế phù hợp với hệ thống tố tụng xét hỏi hiện nay của Việt Nam, tránh xung đột với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTHS.

Kết luận

TLNT là một cơ chế linh hoạt giúp rút ngắn thời gian xét xử, giảm tải cho cơ quan tố tụng. Tại Nga, thủ tục này đã được xây dựng bài bản, cho phép bị cáo nhận tội để hưởng mức án nhẹ hơn, qua đó giảm áp lực lên hệ thống tư pháp. Tuy nhiên, thực tiễn tại Nga cũng chỉ ra một số hạn chế trong việc áp dụng cơ chế này.

Từ kinh nghiệm của Nga, Việt Nam có thể rút ra bài học quan trọng để xây dựng và hoàn thiện thủ tục TLNT. Trong đó, cần có khung pháp lý minh bạch, công bằng, bảo đảm quyền lợi các bên và hạn chế lạm dụng quyền lực. Đồng thời, thiết lập cơ chế giám sát nghiêm ngặt, nâng cao nhận thức của cán bộ tư pháp để đảm bảo tính minh bạch, công bằng. Khi đó, thủ tục TLNT mới thực sự góp

phần thúc đẩy công lý và củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996 (sửa đổi, bổ sung ngày 01/7/2021);
2. BLTTHS Liên bang Nga năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2003 và 2015);
3. Luật Liên bang số N224-ФЗ ngày 20/7/2020;
4. Luật Liên bang số N92-ФЗ ngày 04/7/2003;
5. Nghị quyết số 60 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang Nga ngày 05/12/2006 (sửa đổi, bổ sung ngày 29/6/2021);
6. Nguyễn Ngọc Ái, Nguyễn Thị Phương Hoa, “Pháp luật TTHS Liên bang Nga về thủ tục đặc biệt trong trường hợp bị cáo đồng ý với nội dung buộc tội và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 4(408)/2022;
7. Alexey Malakhovsky, *Сделка без гарантии: проблемы досудебных соглашений*, (Giao dịch không có bảo đảm: Vấn đề của thỏa thuận trước khi xét xử), <https://pravo.ru/story/215629/>;
8. Phan Thị Ngọc Ánh (2021), *Thủ tục TLNT trong TTHS tại một số quốc gia trên thế giới - Vấn đề đặt ra đối với TTHS Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Kiểm sát;
9. EU JULE, *Nghiên cứu: Xét xử có bồi thẩm đoàn, Thỏa thuận nhận tội và Tư pháp phục hồi*, https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/2023_02/Jury%20Trial_VIE_FINAL.pdf;
10. Irina Chebotareva, Olesia Pashutina và Irina Revina (2024), *International Standards of Trial Waiver Systems in Russian Criminal Procedure*, https://www.shs-conferences.org/articles/shsconf/pdf/2022/04/shsconf_eac-law2021_00064.pdf;
11. Đinh Công Tuấn, Mai Trọng Nguyên (2024), *Tác động của thỏa thuận nhận tội ở một số nước trên thế giới và kinh nghiệm đối với Việt Nam*, <https://danchuphapluat.vn/uploads//files/2024/10/dinh-cong-tuan-va-mai-trong-nguyen-412.pdf>;
12. Đinh Thị Mai (2023), *Ưu và nhược điểm của nguyên tắc mặc cả thú tội trong tư pháp hình sự của Mỹ*, <https://lsvn.vn/uu-va-nhuoc-diem-cua-nguyen-tac-mac-ca-thu-toi-trong-tu-phap-hinh-su-cua-my-1675928231-a127598.html>;
13. Đinh Thị Mai (2022), *Tìm hiểu về lịch sử và bản chất của nguyên tắc “Mặc cả thú tội” của Mỹ*, <https://tapchitoaan.vn/tim-hieu-ve-lich-su-va-ban-chat-cua-nguyen-tac-%E2%80%9Cmac-ca-thu-toi-%E2%80%9D-cua-my7662.html>;
14. Bộ Thông tin Pháp lý và Hành chính Cộng hòa Pháp (2025), *Comparation sur reconnaissance préalable de culpabilité (CRPC)*, <https://www.service-public.fr/particuliers/vosdroits/F10409>;
15. Strafbefehl, *What Is a Penalty Order? (Lệnh phạt là gì?)*, <https://criminal-law-germany.lawyer/what-is-a-penalty-order/>;
16. Vladislav Kulikov (2021), *Ở Nga, các thủ tục đặc biệt đã trở nên ít phổ biến hơn*, <https://rg.ru/2021/02/17/v-rossii-stali-rezhe-sudit-v-osobom-poriadke.html>.